



Hội thi

1

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI

Biên Hòa, 2014

Nội dung:

*Hãy trình bày cảm nhận và ý kiến
về một danh nhân văn hóa hoặc một nhân vật lịch sử
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất.*



LỜI NÓI ĐẦU

Biên Hòa xưa – Đồng Nai nay là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa dấu quá trình hình thành và phát triển trong lịch sử của đất nước Việt Nam thân yêu vừa tròn 316 năm, tính từ mốc lịch sử năm 1698 – khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đặt nền móng hành chính đầu tiên. Trong diễn trình lịch sử này, vùng đất này ngày càng phát triển và trải qua nhiều giai đoạn lịch sử. Cho đến hôm nay, Biên Hòa – Đồng Nai đã trở thành tên gọi thân thương của bao thế con dân xứ sở này, trở thành niềm tự hào với: Nền văn hóa cổ phát triển rực rỡ thời tiền sơ sử, với truyền thống anh hùng của Hào khí trong trang sử vàng dân tộc, của dòng sông bắt nguồn từ trong lòng đất nước... với tên gọi Đồng Nai.

Trong lịch sử hình thành và phát triển hơn ba thế kỷ qua, biết bao nhiêu thế hệ, trong đó có những con người tiêu biểu đã góp phần quan trọng trong chiến đấu chống ngoại xâm, trong lao động, chinh phục thiên nhiên, bồi đắp những nền tảng văn hóa cho vùng đất này bằng cả tâm huyết, tài năng, trí tuệ và đức độ. Những người anh hùng của dân tộc, có công lao từ thuở khai khẩn mới cõi cho đến quá trình chiến đấu, xây dựng vùng đất này của hôm nay: Từ “bậc Tiên hiền của các tiên hiền” Nguyễn Hữu Cảnh thời mở mang bờ cõi phương Nam, anh hùng dân tộc kháng Pháp Nguyễn Tri Phương, “Thượng đẳng thần” Trần Thượng Xuyên, tấm gương khảng khái của bậc dũng liêm Đặng Đại Độ, gương liệt phụ khả gia Nguyễn Thị Tồn cùng với tấm lòng trung trinh đối với Bùi Hữu Nghĩa, Đại công thần và

cũng là danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức, anh hùng kháng Pháp vì đại nghĩa Đoàn Văn Cự, Nguyễn Đức Ứng, Trương Định,...đến thi tướng tài hoa Huỳnh Văn Nghệ, các nhà văn lớn Hoàng Văn Bôn, Lý Văn Sâm, các anh hùng Lực lượng vũ trang trong hai cuộc vệ quốc vĩ đại, các bà mẹ Việt Nam anh hùng vừa tham gia chiến đấu hay phục vụ cách mạng, sẵn sàng chấp nhận khổ đau, hy sinh cho đất nước người chồng, người con để Tổ quốc quyết sinh...đã đi vào lòng dân Biên Hòa – Đồng Nai như những tượng đài hùng vĩ, được tôn thờ như những vị phúc thần của làng xã, được ngưỡng mộ, kính trọng...trở thành “tượng đài” bất tử trong lòng dân. Mỗi con người với những hoàn cảnh khác nhau, có người sinh ra từ mảnh đất thân yêu này, có người từ nơi khác chọn nơi đây sinh sống, hoặc có thể gắn bó trong một phân của sự nghiệp, cuộc đời...nhưng những đóng góp của họ luôn được người Đồng Nai ghi nhận, biết ơn và là niềm tự hào mỗi khi nhắc đến. Họ trở thành những biểu tượng cao quý.

Trong quá trình tìm hiểu về lịch sử và con người của vùng đất này, khi chọn nơi đây là “quê hương thứ hai – để sinh sống và làm việc” ngoài quê hương thứ nhất “chôn nhau, cắt rốn” ở miền Trung, tôi cảm thấy có niềm tự hào và trân trọng những điều mà thế hệ tiền nhân đã dày công xây dựng, bồi đắp cho mảnh đất này. Khi tiếp cận những nguồn tư liệu, đến với những di tích lịch sử, học biết và tìm hiểu về những di sản văn hóa của Biên Hòa – Đồng Nai, tôi thật sự ấn tượng với một con người – danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức. Một bậc Đại công thần của lịch sử nước nhà thời Nguyễn với những công hiến trên nhiều lĩnh vực, tài cao, đức trọng và là tấm gương sáng cho hôm nay. Di sản của danh nhân Trịnh Hoài Đức vẫn sống mãi với đất nước này, với vùng đất Nam Bộ nói chung và Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng. Mãi mãi, bởi cuộc đời đầu có những lúc thăng trầm của thân phận, của sự nghiệp nhưng Trịnh Hoài Đức đã chọn xứ Bình Trước xưa – Biên Hòa nay – an nghỉ – trong lòng đất nghĩa tình mà cả cuộc đời ông đã tận hiến.

Tham gia Cuộc thi Tìm hiểu giá trị Lịch sử - văn hóa Đồng Nai, tôi muốn bày tỏ tấm lòng của mình – kẻ hậu sinh - kính cẩn nghiêng mình trước cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân. Tôi vui mừng về những gì liên quan đến danh nhân đang được địa phương quan tâm trong công tác bảo tồn, phát huy. Quê hương Bình Trước – Biên Hòa/Đồng Nai trong lòng “quê ngoại” Việt Nam của Trịnh Hoài Đức đang che chở phần di tích: Lăng mộ của Ông cùng với những người thân, con đường mang tên Trịnh Hoài Đức, ngôi trường mang tên Trịnh Hoài Đức... như nhắc nhở luôn tấm lòng của người Biên Hòa – Đồng Nai đối với danh nhân. Tôi thật lòng ngưỡng mộ, kính trọng và mong muốn những di sản của Trịnh Hoài Đức luôn sống mãi, không ngừng được bảo tồn, bồi đắp và phát huy trong cuộc sống hôm nay.

Biên Hòa, những ngày tháng 11 năm 2014

**CẢM NHẬN VỀ
DANH NHÂN VĂN HÓA TRỊNH HOÀI ĐỨC**

Phần một:**VÙNG ĐẤT NGHĨA TÌNH: BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI**

Biên Hòa – Đồng Nai là địa đầu trong công cuộc khai khẩn vùng Nam Bộ trong quá trình Nam tiến của các chúa Nguyễn. Nơi đây, đã thu hút nhiều cư dân từ nơi khác đến sinh sống qua nhiều thời kỳ. Địa giới của Biên Hòa xưa khá rộng lớn, bao gồm nhiều phần đất thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ hiện nay. Một phần địa giới của tỉnh Biên Hòa xưa là tiền thân của tỉnh Đồng Nai hiện nay. Đồng Nai là một trong địa bàn phát triển kinh tế năng động ở phía Nam của đất nước. Trên địa bàn Đồng Nai, có hơn 30 dân tộc cùng sinh sống. Quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đồng Nai đã tiếp tục trở biến địa bàn này thành vùng đất mở thu hút các nguồn nhân lực đến sinh sống, làm việc. Sự cộng cư nhiều thành phần dân tộc qua quá trình phát triển đã làm cho sắc thái về tộc người và văn hóa của vùng đất này thêm đa dạng. Văn hóa của Đồng Nai khá phong phú do nhiều yếu tố tác thành. Trong dòng chảy văn hóa của đất nước nói chung, của Nam Bộ nói riêng, văn hóa của Đồng Nai có một vị trí quan trọng.

Từ cuối thế kỷ XVI trở về trước, Đồng Nai là một vùng đất tự do của các dân tộc, là vùng đất hoang nhàn cả về kinh tế lẫn chủ quyền. Từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai xuất hiện những di dân Việt từ miền Đàng Ngoài đến khai khẩn, sinh sống. Tiến trình nhập cư của lưu dân Việt diễn ra liên tục trong suốt thế kỷ XVII. Sau này, một bộ phận người Hoa đến sinh sống. Sự có mặt của người Hoa được sử sách chép với mốc thời gian định vị rõ ràng vào tháng 5 năm Kỷ vị (1679) do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu, được phép của chúa Nguyễn cho đến Đồng Nai.

Đây là những cơ sở để vào thời điểm năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu tiến hành việc đặt vùng Đồng Nai vào sự quản lý chính thức của Đàng Trong.

Từ 1832 đến năm 1975, Biên Hòa – Đồng Nai có nhiều lần thay đổi tên gọi và địa giới do tình hình đầy biến động trong các giai đoạn lịch sử. Tháng 01/1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sát nhập các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú. Hiện nay, Đồng Nai là đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ của Việt Nam, nằm ở vị trí 10 22'30" đến 10 36' vĩ Bắc và 107 10' đến 106 4'15" kinh Đông; là vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Tỉnh Đồng Nai có diện tích 5.903,940 km², chiếm 1,76% diện tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ.

Vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai gắn với cuộc đời của Trịnh Hoài Đức khi dòng họ của Ông từ Trung Hoa tìm đến sinh sống và gắn với sự nghiệp làm quan trong chính trường của nhà Nguyễn. Trải qua những chặng đường, gia đình Trịnh Hoài Đức đã chọn Bình Trước - Biên Hòa tụ cư. Lớn lên trên đất Nam Bộ, ông theo học những người thầy nổi tiếng và đã đóng góp công sức của mình cho nhà Nguyễn từ khi gây dựng thanh thế cho đến khi dựng được cơ đồ. Vì vậy, có thể nói: Biên Hòa – Đồng Nai là vùng đất giàu nặng nghĩa tình đối với Trịnh Hoài Đức nên khi đến cuối đời dẫu có thể đề đạt nguyện vọng với những ưu đãi đặc biệt nơi chốn kinh thành vì là quan đại thần nhưng Ông đã chọn nơi đây để an giấc nghìn thu. Có lẽ, trong tâm thức và suy nghĩ – của con người mang hai dòng máu Hoa – Việt, Biên Hòa từ vùng đất “tị nạn” của dòng họ đã trở thành quê hương “ruột thịt” đã từng cưu mang dòng họ, gia đình và bản thân Trịnh Hoài Đức.



*** Chú thích ảnh theo thứ tự:**

- Ảnh 1: Lăng mộ Trịnh Hoài Đức tại phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa.

- Ảnh 2: Bản đồ vùng đất Biên Hòa xưa.

(Nguồn: Tác giả, 2014)

Phần hai:

DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC – THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP

1. Từ nguồn gốc xuất thân



Trịnh Hoài Đức sinh năm 1765 mất năm 1825, có tên khác là An, tên tự là Chỉ Sơn, hiệu Cán Trai. Dòng họ của Ông gốc người huyện Trường Lạc, Phúc Châu (Trung Quốc) có truyền thống nối đời làm quan. Đầu đời nhà Thanh, ông nội là Trịnh Hội (hiệu Sư Khổng) giữ nguyên đầu tóc (không chịu gióc bím theo lệnh của nhà Thanh) di cư sang Việt Nam, lưu ngụ ở đất Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay). Cha là Trịnh Khánh, từ bé chăm học, viết chữ tốt, và nổi tiếng cao cờ. Trịnh Khánh kết hôn với một phụ nữ Việt, sinh ra Trịnh Hoài Đức. Đời vua Thế Tông triều Nguyễn (tức Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát 1738 - 1765), Trịnh Khánh nhờ nạp quyên được làm chức Cai thụ (Cai thầu cửa bể An Tràng), sau đời ra ba trường Quy Nhơn, Quy Hóa và Bả Canh làm Cai đội nhưng được mấy năm thì Trịnh Khánh qua đời. Lúc Trịnh Khánh mất, Trịnh Hoài Đức mới 10 tuổi. Trong hoàn cảnh mồ côi cha nhưng Ông rất bền chí hiếu học.

Khi phong trào Tây Sơn dấy nghĩa, Trịnh Hoài Đức theo mẹ dời vào ở Phiên Trấn (tức Gia Định/Sài Gòn/Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay). Tiếp tục việc học, Ông được mẹ cho thụ giáo với một người thầy nổi tiếng có nhiều học trò nổi gót, thành đạt của vùng đất Gia Định: Võ Trường Toản – được mệnh danh tôn gọi Xứ sĩ Gia Định¹.

2. Đến quá trình công hiến

Năm Mậu Thân 1788, lúc Nguyễn Phúc Ánh (tức Nguyễn triều Thế Tổ, Gia Long đế) nắm giữ vùng Gia Định, Trịnh Hoài Đức cùng nhóm Lê Quang Định ra ứng cử, được cho làm chức Hàn Lâm viện Chế cáo. Năm sau (1789), Ông được bổ nhiệm chức Điền Tuần sứ huyện Tân Bình, coi việc mở mang vùng tam giác sông Mê Kông, và xác định chế độ điền thổ, đồng thời lo trừ biện lương hướng cho quân đội. Sau đó, Trịnh Hoài Đức được đổi qua Bộ Hình, tham dự việc xét nghĩ hình luật văn án, kế nhiệm Chính thị giảng Đông Cung (tức con trưởng vua Gia Long, Hoàng tử Cảnh, sau truy tôn Anh Duệ Hoàng thái tử), và phụ tá Đông Cung tọa trấn Diên Khánh và Phú Yên. Năm 1794, Trịnh Hoài Đức ra nhiệm chức Ký lục dinh Trấn Định (tức Mỹ Tho/Tiền Giang ngày nay). Mùa hạ năm 1801, quân chúa Nguyễn thu phục kinh đô Phú Xuân (Thành phố Huế hiện nay), Trịnh Hoài Đức nhiệm chức Hộ bộ Tham tri, chuyên trách lo binh lương tiếp tế.

¹ *Sách Đại Nam nhất thống chí mục Gia Định tỉnh, nhân vật chép rằng: Võ Trường Toản người Bình Dương, thông minh hiếu học, tinh thông kinh sử, gặp thời Tây Sơn loạn lạc không ra làm quan, ở nhà lập trường dạy học trò, môn đệ như các ông Ngô Tông Châu, Trịnh Hoài Đức phần nhiều đều làm danh thần. Lúc vua Thế Tổ Cao Hoàng đế đóng quân tại Gia Định, nghe tiếng rất khen ngợi nhưng không muốn lấy quan chức khuất kẻ danh hiền, để cho thỏa chí cao thượng. Khi ông mất, vua sắc cho hiệu Gia Định Xứ sĩ, Sùng Đức tiên sinh, biểu khắc vào mộ chí. Năm Tự Đức thứ (1852), lại dựng nhà bia để biểu dương đức nghiệp của Tiên sinh.*

Trịnh Hoài Đức được vua Gia Long thăng nhiệm Thượng thư Bộ Hộ vào năm 1802 và trong thời gian này ông được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh (Trung Quốc). Thời gian đi sứ đến tháng 8 năm 1803, Trịnh Hoài Đức về đến Thăng Long. Năm 1804, từ Thăng Long, Trịnh Hoài Đức hộ giá vua Gia Long về Phú Xuân. Về kinh sư, Trịnh Hoài Đức giữ chức Thượng thư bộ Hộ.

Tháng Hai năm Gia Long thứ 4 (1805), triều đình phái Chương Trung quân Nguyễn Văn Trương làm Gia Định Lưu trấn, Trịnh Hoài Đức làm Hiệp lưu trấn. Tháng Giêng năm 1808 (Gia Long thứ 7), Gia Định trấn đổi thành Gia Định thành, tháng 9 năm ấy mới đặt chức Gia Định thành Tổng trấn, Nguyễn Văn Trương được về kinh, Nguyễn Văn Nhơn làm Gia Định Tổng trấn, Trịnh Hoài Đức làm Hiệp Tổng trấn - tức chức quan đứng thứ hai ở cả vùng đất Nam Bộ lúc bấy giờ.

Tháng 7 năm Gia Long thứ 11, (1812), triều đình cho lệnh triệu Trịnh Hoài Đức về kinh, bổ chức Thượng thư Bộ Lễ, kiêm Quản Khâm thiên giám. Năm 1813 Trịnh Hoài Đức được điều giữ chức Thượng thư Bộ Lại. Tháng Giêng năm Gia Long thứ 15 (1816), triều đình bổ Nguyễn Hoàng Đức nhận chức Gia Định Tổng trấn. Tháng 11 năm 1816, vua Gia Long cho rằng Gia Định là một thành lớn phương Nam, lại có việc giao thiệp với lân bang rất hệ trọng, cần phải có người giỏi trấn nhiệm mới được, bèn phái Lại bộ Thượng thư Trịnh Hoài Đức nhiệm chức Gia Định Hiệp Tổng trấn một lần nữa.

Tháng Chín năm Gia Long thứ 18 (1819), Nguyễn Hoàng Đức mất, triều Nguyễn lại phái Chương Hữu quân Nguyễn Văn Nhơn giữ chức Gia Định Tổng trấn, bổ Trịnh Hoài Đức lãnh làm Hiệp Tổng trấn để phụ tá Nguyễn Văn Nhơn.

Tháng 12, năm 1819, vua Gia Long mất, Hoàng tử thứ 4 là Phúc Hiệu nối ngôi, niên hiệu là Minh Mạng. Minh Mạng thứ 1 (1820), Tổng trấn Gia Định thành Nguyễn Văn Nhơn bị triệu về kinh, Trịnh Hoài Đức được cử thay Gia Định thành Tổng trấn. Đến tháng 6, Trịnh Hoài Đức về kinh trông coi Bộ Lại và kiêm Phó tổng tài Quốc sử quán.

Trịnh Hoài Đức trở thành nguyên lão của Nguyễn triều và làm cố vấn tối trọng yếu cho vua Minh Mạng. Lúc triều đình có chính sự quan yếu, đều có sự tham gia của Trịnh Hoài Đức. Tháng Tám năm Minh Mạng thứ 2 (1821), vua Minh Mạng thăng cho Trịnh Hoài Đức hàm Hiệp biện đại học sĩ, lãnh cả hai chức Thượng thư Bộ Lại kiêm Bộ Binh. Đến tháng Chín cùng năm, Trịnh Hoài Đức hộ giá vua Minh Mạng đi Bắc tuần các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa rồi đến Bắc Thành (Thăng Long). Tháng Mười Hai năm 1821, Trịnh Hoài Đức và Bắc thành Tổng trấn là Lê Chất đều sung chức Thị vệ Đại thần, tham dự điển lễ tại Thăng Long và sau đó hộ giá vua Minh Mạng về kinh thành Huế.

Mùa thu năm Minh Mạng năm thứ 4 (1823), Trịnh Hoài Đức bị bệnh, dâng biểu xin trở về gia quán tại Gia Định trong hoàn cảnh gia đình có vợ mất, con chịu tang, không có người thị dưỡng. Vua Minh Mạng đành lòng phải thuận, khiến Phạm Đăng Hưng đem dụ chỉ an ủi và lưu lại. Điều này cho thấy vua Minh Mạng tỏ lòng yêu quý, tin tưởng và mong muốn Trịnh Hoài Đức ở lại hình thành để phò giúp việc triều chính.

Trong Đại Nam thực lục chính biên, nội dung bản dụ có nội dung như sau: “*Xem lời trần tấu của khanh, khiến người phải mũi lòng rơi lụy. Từ ngày khanh tiến chức Hiệp biện đại học sĩ đến nay, quốc vụ quân cơ, tán trợ rất là nhiều đặc lực, trẫm đương để ý cây nương, sẵn lòng yêu dấu; khanh là người trung thành, sáng suốt, há lại không tin lời trẫm, mà vội nói việc bỏ đi. Như nói vì tình vợ việc nhà, thì ở đời ai lại không thiết nghĩa keo sơn, nhưng gặp lúc tình thế “vô khả nại hà”, thì cũng đối xử làm sao cho hợp lẽ là được. Và lại trong lúc khí suy bệnh nặng, tình dưỡng rất*

cần, ta cho phép khanh nghỉ việc bộ một thời gian, để an tâm điều trị, thuốc men thích đáng, chắc người lành trời giúp, khó gì không tât khử bệnh trừ, hà ắt phải tính việc vượt biển băng vời, khiến người phải vì khanh e ngại. Nếu nghĩ rằng khí hậu trong Nam ấm áp, có thể chữa chứng hàn thấp chóng khỏi, thì cũng phải chờ cho bệnh bớt người mạnh, rồi xin nghỉ về thăm nhà, đường bộ thênh thênh, há chẳng tốt hơn hay sao? Dầu như lời khanh nói: “sương gió không chùng, lòng chỉ nguyện quay đầu về núi cũ”, một là một bậc đại thần của nước, há vì một cơ mọn ấy mà không được toại nguyện hay sao? Điều ấy lại khiến người không hiểu vậy. Nói tóm lại, khanh hãy an tâm tĩnh dưỡng, sao cho khí vượng thân cường, chẳng nên lấy việc mọn bận lòng, chính phải biết gìn vàng giữ ngọc, rồi đây tuổi trời thêm thọ, bình phục khang cường, cho thỏa lòng trông mong của trẫm”.

Vua Minh Mạng cho Trịnh Hoài Đức tạm nghỉ việc Bộ Lại và Bộ Lễ để chuyên tâm tĩnh dưỡng, ban cấp cho nhơn sâm nhục quế. Vua Minh Mạng lại nhận thấy Trịnh Hoài Đức làm quan rất liêm khiết, đến lúc ấy mà chưa có nhà riêng, bèn cho 2.000 quan tiền và sặng gỗ ngói gạch để làm nhà ở. Trịnh Hoài Đức vâng mạng, cất một sở nhà hiệu Quỳnh Viên, ở ngoài cửa đông thành Huế để dưỡng bệnh.

Tháng Chín năm 1823, Trịnh Hoài Đức khỏi bệnh, dâng biểu tạ ơn trở lại lãnh chức Thượng thư Bộ Lại và Bộ Lễ, nhưng mới được hơn mười ngày, lại dâng biểu xin được về thăm quê. Vua Minh Mạng chấp thuận y cho. Lúc ấy vua quay bảo thị thần rằng “Các đấng nhơn quân đời xưa, gặp lúc thân hạ bất đắc ý cáo xin về hưu, cũng có xuống lời dụ ôn tồn để an ủi, nhưng chỉ lời văn nói khéo bề ngoài vậy thôi. Còn như trẫm với Trịnh Hoài Đức, trọng lễ hậu đãi, đau ốm thì hết lòng xót thương; thành thực trái lòng, chẳng chút mây may giả dối, điều đó các khanh đều biết như thế. Vì Trịnh Hoài Đức là bậc huân cựu đại thần, trẫm rất tin cậy; như nay bệnh cũ đã khỏi, khá nên vì nước chia lo, triển tài năng để sửa chữa cho ta trong mọi việc ta còn thiếu sót ...” (Đại Nam Thực lục chính biên) Vua lại khiến Văn thư

phòng lấy tờ dụ chỉ ủy lưu Trịnh Hoài Đức ngày trước, tuyên đọc cho quần thần nghe. Trịnh Hoài Đức cảm ơn đãi ngộ đặc biệt của vua Minh Mạng. Tháng Mười năm 1823, Trịnh Hoài Đức về Gia Định. Tháng Ba năm Minh Mạng thứ 5 (1824), Trịnh Hoài Đức trở ra kinh tiếp tục làm việc Lại bộ Thượng thư kiêm quản Lễ Bộ sự vụ. Vua Minh Mạng cho thực hiện biên sửa Nguyễn triều Ngọc Diệp và Tôn Phả nên sung Trịnh Hoài Đức chức Tổng tài để điều khiển công việc. Tháng 11, bản Nguyễn triều Ngọc Diệp sửa xong, Tổng tài Trịnh Hoài Đức trình vua Minh Mạng. Vua Minh Mạng bổ Trịnh Hoài Đức quyền lãnh công việc ty Thương Bạc.

3. Tấm lòng trung trinh, nghĩa tình

Tháng Ba năm Minh Mạng thứ 6 (1825) sau một thời gian lâm bệnh, Trịnh Hoài Đức mất tại Phú Xuân, thọ 61 tuổi. Vua Minh Mạng nghe tang, khóc ông với những lời lẽ tiếc thương đau đớn. Thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, mục tháng 3 năm ấy chép rằng:

Vua thương tiếc vô cùng và nói với quần thần: *“Hoài Đức tính người thuần hậu thành thực, có công khó lâu ngày; buổi đầu Trung Hưng, rất được tiên đế chú ý giản dụng, khi đi sứ Thanh Quốc, khi vào Hiệp trấn Gia Định, đều được thành công rực rỡ, nổi tiếng thuần lương. Từ ngày ta nối ngôi đến nay, vốn biết ông là người trung hiền, cất lên làm chức lớn, thường cùng bàn chính sự, ông có nhiều ý kiến rất hay. Vãn tướng đãi ngộ lâu dài, gìn giữ mãi ngôi cao lộc cả, chẳng ngờ năm ngoái thành linh ông mắc bệnh nặng, ta tức khắc sai ngự y điều trị; hôm trước, bệnh thêm nặng, ta khiến Thị vệ lập tức đem sâm quý thuốc ngự dụng ban cho, nhưng thuốc thang đã không cứu kịp, ông đã bỗng chốc lìa trần, nghe tin rưng rưng rơi lệ”*. Vua bèn tặng phong cho ông hàm Thái bảo, Cần chánh điện Đại học sĩ, (trật Chánh nhất phẩm), ban tên thụy là Văn Khác và cho gắm đồ, gắm Tổng mỗi thứ 4 cây, số sa nhiều đoạn mỗi thứ 4 cây, nhiều

lụa 11 cây, tiền 2.500 quan, gạo 500 vuông, dầu 3.000 cân, bãi triều ba ngày, khiến quan đến tế. Đám tang ông được tổ chức trọng thể. Ngày an táng, Vua Minh Mạng còn phái Hoàng tử Miên Hoằng đến nhà thay mặt vua ban ngự tửu, lại phái 400 lính Thần Sách hộ tống đến bến sông Hương, cấp 2 tên mộ phu để canh giữ mồ mả”.

Cách đối đãi long trọng đối với vị đại thần cho thấy vua Minh Mạng có lòng yêu quý, tin tưởng rất nhiều vào Trịnh Hoài Đức. Thể theo nguyện vọng của Trịnh Hoài Đức, linh cửu của Ông được đưa về chôn tại quê nhà ở làng Bình Trước, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa (nay là phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa). Năm 1852, bài vị ông được thờ ở Miếu Trung hưng công thần, nơi thờ tự các bậc có công nhất đối với vương triều Nguyễn. Năm 1858, bài vị Trịnh Hoài Đức lại được đem về thờ ở đền Hiền Lương.

Theo phò chúa Nguyễn Ánh trong thời buổi khó khăn, được trọng dụng thời kỳ vua Gia Long nắm quyền và tiếp tục làm đại thần trong triều vua Minh Mạng cho đến hơi thở cuối cùng, Trịnh Hoài Đức đã đem tài năng, trí tuệ và sức lực, lòng nhiệt huyết, không nề hà khó khăn, tuổi tác để phụng sự đất nước, chăm lo triều chính trên tất cả cương vị được giao. Trịnh Hoài Đức luôn yêu vùng đất đã nuôi dưỡng và ưu ái ông không chút hoài nghi và đem hết tâm huyết, tài năng, nghị lực phục vụ cho đất nước - quê mẹ ông. Ít có vị quan nào cùng lúc được lòng vua mà vẫn được nhân dân thương yêu toàn vẹn như Trịnh Hoài Đức. Đặc biệt, Trịnh Hoài Đức luôn xác định mình là công dân Đại Việt, ngay cả khi ông đi sứ sang Trung Hoa. Qua một số bài trong tập “Bắc xứ thi tập” ông luôn hướng sự hoài cảm của ông về tổ quốc Đại Việt. Đối với nhân dân, trước cảnh lầm than, khói lửa can qua, ông chia sẻ nỗi đau của thần dân Đại Việt qua những vần thơ đầy tâm tư, cảm thông: “*Năm ba ông lão xóm Đông, Hái rau thay gạo đói lòng sớm hôm*” hay “*Điều quạ no nên kêu rộn bãi, Hồn ma vất vương khóc thâu canh*”.



Trịnh Hoài Đức có gốc là người Minh Hương, trong huyết quản của ông là hai dòng máu Hoa - Việt hòa trộn nhưng tinh thần và tâm thức ông luôn hướng về Việt Nam. Điều đó được tìm thấy rõ qua các công trình sáng tác và trước tác văn học của ông đối với lịch sử văn hóa Việt Nam hồi giữa thế kỷ XIX. Ông là sáng lập viên Bình Dương thị xã, nhóm Sơn Hội. Đây là một trong hai Thi xã nổi tiếng và bề thế nhất ở Lục tỉnh Nam kỳ. Thi xã này gồm: Chỉ Sơn Trịnh Hoài Đức, Nhữ Sơn Ngô Nhân Tịnh, Hối Sơn Hoàng Ngọc Ân, Tri Chi Lê Quang Định (điều đáng chú ý là các

vị sáng tác có tên tự hoặc hiệu đều có chữ Sơn, do đó nhóm có tên là Sơn Hội) đa số họ là người Minh Hương, nhưng lại rất nặng lòng với Việt Nam mà họ xem như nước mẹ. Tất cả những yếu tố đó có lẽ xuất phát từ sự cảm hóa mãnh liệt của văn hóa Việt Nam đã khiến họ trở thành một mẫu người Việt Nam chân chính. Niềm tin cùng sức cảm hóa của văn hóa Việt Nam đối với những người Minh Hương nhận nước Việt Nam làm tổ quốc được tìm thấy rõ qua một số thơ văn của họ (tức nhóm Minh Hương Gia Thạnh) đặt cơ sở tại vùng Chợ Quán (Chợ Lớn), nay thuộc đường Trần Hưng Đạo và Hùng Vương, quận 5, TP.HCM. Tại đình Gia Thạnh (Gia Thạnh Đường) ngày nay còn dấu tích tấm biển với ba chữ Gia Thạnh đường và đôi liễn do chính tay Trịnh Hoài Đức viết : “*Minh đồng nhật nguyệt diệu Nam thiên, phụng chi lân trường gia cảm tú; Hương mãn càn khôn linh Việt địa, long bàn hổ cứ thịnh văn chương*” – Chuyển nghĩa là: “*Cùng mặt trời, mặt trăng sáng rực trời Nam, phương xòe lân múa thêm phần gấm vóc. Mùi hương tràn đầy thơm lây đất Việt, rồng châu hổ phục thịnh phát triển văn chương*”.

Tài năng và nhân cách, đức độ của Trịnh Hoài Đức là một tấm gương sáng bấy giờ. Trịnh Hoài Đức làm quan đến chức cực phẩm mà vẫn sống giản dị, thanh cao, chỉ biết quên mình lo việc ích nước, lợi dân.

*** Chú thích ảnh theo thứ tự:**

- Ảnh 1: Tượng bằng đồng, chân dung danh nhân Trịnh Hoài Đức được thờ trong Văn miếu Trấn Biên

- Ảnh 2: Bài trí tượng thờ (chất liệu đồng) chân dung Trịnh Hoài Đức và những người có công với vùng đất Nam

Bộ: Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Bùi Hữu Nghĩa tại Văn miếu Trấn Biên

(Nguồn: Tác giả, 2014)

Phần ba:

DI SẢN DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC

19

1. Trước tác đồ sộ

Đối với triều chính của nhà Nguyễn, Trịnh Hoài Đức là bậc đại thần. Nhưng, ngoài những đóng góp trên cương vị đó, Trịnh Hoài Đức được biết đến là nhà văn hóa ưu tú của xứ Đồng Nai – Gia Định/ Nam Bộ. Với điều kiện thuận lợi của chức quan Trịnh Hoài Đức có điều kiện đi khắp miền đất nước và cả những chuyến đi sứ nước ngoài. Nhưng trên hết là tâm huyết nghiên cứu, tâm hồn thi sĩ, Trịnh Hoài Đức chắc chắn đã miệt mài, chăm chỉ, cẩn thận quan sát, siêng năng ghi chép để rồi biên soạn, để lại một di sản khá đồ sộ và có giá trị cho đương thời và hậu thế.

Trịnh Hoài Đức để lại cho hậu thế một kho tàng trước tác đồ sộ gồm văn thơ và công trình nghiên cứu lịch sử. Từ đầu triều vua Minh Mạng, Trịnh Hoài Đức đã dâng vua hai bộ “*Lịch đài kỷ nguyên*” và “*Khương tế lục*” và đặc biệt là bộ biên niên sử “*Gia Định thành thông chí*”. Năm 1805, khi đang làm quan ở thành Gia Định, Trịnh Hoài Đức được vua Gia Long sai “*kê khảo sự tích, cương vực, thổ sản trong địa hạt*”. Nhân đó, Trịnh Hoài Đức đã viết bộ sách quý *Gia Định thành thông chí*, một công trình có giá trị cao về địa dư, lịch sử, văn hóa của cả vùng đất phương Nam. Những kiến thức sâu sắc và toàn diện về Nam Bộ mà hiện nay, đây là nguồn sử liệu quan trọng cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa cũng như nhiều lĩnh vực trên những vùng miền, cụ thể của Nam Kỳ lục tỉnh/ Nam Bộ.

Tác phẩm “Gia Định thành thông chí” gồm 6 quyển, với trình tự nội dung sau:

+ Quyển 1/*Tinh dã chí* (Khu vực các ngôi sao), 6 tờ: căn cứ vào thiên văn chí và địa lý chí của các sách chính sử Trung Quốc như Hán thư, Đường thư nhận định vị trí các đất Ngô Việt hay Dương Châu đối với các vì sao để suy luận về vị trí của đất Gia Định, phần này không có giá trị thiết thực.

+ Quyển 2/*Sơn xuyên chí* (Chép về núi sông), 90 tờ: phân biệt theo từng trấn của đất Gia Định mà mô tả các núi sông. Lúc này Gia Định chia làm 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên. Đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832), trấn Vĩnh Thanh mới chia làm 2 tỉnh là Vĩnh Long và An Giang. Sách “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn trước kia chưa nói đến núi sông của đất Gia Định. “Gia Định thành thông chí” là cuốn sách đầu tiên mô tả kỹ càng sông núi vùng này, các sách địa chí được biên soạn về sau như “Đại Nam nhất thống chí” đời vua Tự Đức cũng không mô tả kỹ càng hơn.

+ Quyển 3/*Cương vực chí* (Chép về bờ cõi), 85 tờ: Phần đầu ghi chép lịch sử khai thác đất Gia Định của chúa Nguyễn, tác giả thường dẫn sách “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn và sách “Việt Nam khai quốc chí truyện” của Nguyễn Bàng Trung, có những tài liệu hay về quan hệ ngoại giao giữa các chúa Nguyễn với các vua nước Cao Miên. Phần thứ hai chép về cương vực chung của đất Gia Định và cương vực từng trấn với vị trí, giới hạn, hình thế của trấn và danh sách các phủ, huyện, tổng, xã, thôn, lân (có cả vị trí và giới hạn mỗi huyện và mỗi tổng). Đây là tài liệu mô tả kỹ càng nhất về các khu vực hành chính của đất Gia Định thời Gia Long. Về các trấn Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên, tác giả có chép thêm những sự kiện liên quan đến sự khai thác các trấn đó. Về trấn Hà Tiên có nhiều tài liệu liên quan đến Cao Miên và Xiêm La.

+ Quyển 4/*Phong tục chí* (Chép về phong tục, tập quán), 18 tờ: Ghi chép về phong tục, trang phục, nhà cửa, tín ngưỡng, lễ tết, hội hè... của Gia Định, nét văn hóa riêng của mỗi trấn. Phần này cung cấp những tài liệu quý về văn hóa xưa của đất Gia Định.

+ Quyển 5/*Sản vật chí* (Chép về sản vật), 25 tờ: phần đầu của quyển *Sản vật chí* nói về nông sản, tình hình ruộng đất của cả trấn, của một số huyện, tổng, thời gian cấy gặt ở mỗi nơi, các giống lúa và các giống hoa màu. Phần thứ hai nêu lên các sản vật quan trọng của các địa phương, từ lâm sản, thổ sản đến thủy sản.

+ Quyển 6/*Thành trì chí* (Chép về thành quách), 45 tờ: Ghi chép về lịch sử xây dựng, đại thế, kiến trúc và những sự kiện liên quan đến hoạt động của các thành trì vùng đất Đồng Nai – Gia Định.

Có nhận định cho rằng, công trình *Gia định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức là cuốn địa chí hàng đầu về vùng đất Nam Bộ xưa, một viên ngọc quý trong kho tàng sách địa chí của Việt Nam, có giá trị khảo cứu về nhiều mặt, cung cấp nhiều hiểu biết về vùng đất này, không chỉ về mặt nhân văn mà cả tự nhiên. Công trình này ghi lại đầy đủ nhất, toàn diện nhất diện mạo vùng đất Nam Bộ trong thời kỳ khai phá, lập nghiệp của người Việt khi Nam tiến, những sắc thái của cộng đồng các cư dân và nhiều lĩnh vực về văn hóa, lịch sử, địa lý. Sau này, Quốc sử quán triều Nguyễn đều dựa vào nguồn tài liệu Gia Định thành thông chí để biên soạn các bộ sử: *Đại Nam thực lục/* tiền biên và chính biên, *Lịch triều hiến chương*, *Đại Nam nhất thống chí*.

Trong quyển *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức không chỉ ghi chép cẩn thận, cụ thể từng tên sông, tên núi, tên vùng đất... mà còn giải thích cặn kẽ ý nghĩa của các địa danh đó. Nhiều tên đất, tên làng xã được ông chú ý ghi lại bằng ngôn ngữ địa phương có nguồn gốc Miên như Sài Côn (Sài Gòn), Nông Nại (Biên Hòa), Rí Rang (Phan Rí -

Phan Rang)... trước khi chúng được Hán hóa hoặc thay bằng những “mỹ tự” dưới triều vua Minh Mạng (1820 - 1840). Điều này giúp ích rất nhiều cho các nhà nghiên cứu địa danh học, địa lý học lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa. Trịnh Hoài Đức qua Gia Định thành thông chí còn cho biết nhiều chi tiết lịch sử cụ thể về việc tổ chức các đơn vị hành chính ở Nam Bộ xưa.

Nội dung của *Gia Định thành thông chí* là ghi chép đầy đủ và cụ thể việc hình thành các trấn, núi sông cương vực, thành trì, khí hậu, sản vật và hoa quả, phong tục tập quán, cách làm ăn, sinh hoạt của nhân dân cũng như lịch sử hình thành đất Gia Định. Theo Trịnh Hoài Đức, đất Gia Định thời xưa còn có tên là *Giản Phố* hay *Nông Nại* (người đời Thanh di cư sang ta đọc chệch từ Đồng Nai). Địa đầu của Gia Định là *Mỗi Xuy* (hay Mô Xoài) và Đồng Nai (Biên Hòa). Năm Mậu Thìn (1808), tên Gia Định trấn đổi thành Gia Định thành, phủ lỵ đóng ở huyện Bình Dương (nay là quận Bình Thạnh). So với *Đại Nam nhất thống chí* thì *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép các địa danh Nam Bộ xưa khá chính xác.

Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Bộ không lâu, Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa Pháp – Chasseloup Laubat - đã ra lệnh dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp bộ sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức tại Paris năm 1863. Sách dịch gồm có 13 trang dẫn nhập và 359 trang nội dung, có cả bản đồ (Aubaret không dịch phần “thành trì chí” nói về thương mại, giao thông và thành trì của Gia Định từ đầu thế kỷ 19). Điều này cho thấy, nguồn tư liệu này khá quan trọng đến nỗi muốn tìm hiểu về vùng đất của một xứ xa xôi mà quân Pháp đã chiếm và dần biến thành thuộc địa đặc biệt quan tâm để sử dụng như thế nào. Công trình *Gia Định thành thông chí* đã chứng tỏ Trịnh Hoài Đức là một nhà văn hóa, một nhà sử học, một nhà văn tài năng.

2. Thi sĩ nặng tình với quê hương

Trịnh Hoài Đức còn là một nhà thơ, với “Gia Định tam gia 嘉定三家” nổi tiếng thời bấy giờ làm nở rộ một thời văn học Hàn lâm của đất trời phương Nam gồm Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh đều là học trò của Võ Trường Toản - những người cùng sáng lập ra Bình Dương thi xã².

Ông đã để lại cho đời những tác phẩm thơ quan trọng như *Bắc sứ thi tập*: gồm những bài thơ làm khi đi sứ sang nhà Thanh, *Cán Trai thi tập* (3 tập) 艮齋詩集: gồm những bài thơ làm từ năm 1783 đến năm 1819, được khắc in năm 1819. Đặc biệt, ông còn có trong bộ *Gia Định tam gia thi tập* 嘉定三家集 (tức tập thơ của tam gia Gia Định).

- *Gia Định Tam gia thi tập (Tập thơ của ba nhân vật Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định)*

Nhà nghiên cứu Lê Quang Trường cho rằng: Tư tưởng trung quân yêu nước gắn liền với lòng tự hào dân tộc là nội dung thường thấy trong thơ các Tam gia. Bên cạnh tư tưởng Nho giáo chính thống, những yếu tố phi Nho cũng tồn tại trong tư tưởng của Gia Định tam gia, sẽ dẫn đến tinh thần “cư Nho mộ Thích”. Ngoài hai nội dung chính, còn có ba nét

² Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định và Ngô Nhân Tĩnh là ba gương mặt sáng giá nhất trong tao đàn Bình Dương thi xã, nhóm Sơn Hội, cùng thời với thi đàn Chiêu Anh Các ở Hà Tiên. Họ đều xuất thân từ đất Sài Gòn cũ, đều là học trò của Sùng Đức xử sĩ Võ Trường Toản, thi đậu một lần, làm quan cùng triều. Trịnh Hoài Đức nhiều lần đi sứ Trung Quốc, làm đến Thượng thư Bộ Lại, kiêm Bộ Hình và Phó tổng tài Quốc sử quán.

riêng của từng tác giả: Trịnh Hoài Đức: nặng tình với quê hương và con người Nam Bộ; Ngô Nhân Tĩnh: tính cách đằm đằm, bạc cao thượng và tâm sự một nho thần; Lê Quang Định: con người tài hoa và những suy tư về cuộc đời.

Ngoài mảng đề tài khá hẹp, chủ yếu vịnh vật, vịnh sử với thể loại khá ổn định: thể Đường luật, các ông còn làm thơ vịnh họa theo các bộ vần và dài hơi khá đặc thù trong phong cách vừa phóng khoáng vừa cứng rắn của người Nam Bộ (một lối chơi thơ trước đó ít thấy xuất hiện ở những nơi khác như Đàng Ngoài). Riêng Trịnh Hoài Đức là người sử dụng nhiều thể thơ khác nhau để sáng tác nhất trong Tam gia, cho thấy khả năng làm chủ nhiều thể loại và phong cách phóng khoáng hào sảng của Trịnh Hoài Đức. Về ngôn ngữ thơ, đáng chú ý là sự kết hợp từ ngữ khá sáng tạo theo nếp nghĩ dân tộc, đồng thời đã thấy ít đi những sáo ngữ. Trịnh Hoài Đức còn sử dụng chữ Nôm để sáng tác. Ngôn ngữ thơ Nôm Trịnh Hoài Đức vừa mang tính dân tộc vừa mang tính đặc thù của địa phương Nam Bộ, do đó cũng là những tư liệu quý khi khảo sát về chữ Nôm Nam Bộ. Những hình ảnh dân dã đời thường cũng đi vào thơ chữ Hán Tam gia với ý nghĩa mới mang phẩm chất tốt đẹp của người quân tử một cách tự nhiên như khi nó đi vào thơ Nôm của những tác giả lớn trong lịch sử thơ ca dân tộc. Ba nhà thơ là ba phong cách và giọng điệu: Trịnh Hoài Đức - trang nhã và hào sảng; Ngô Nhân Tĩnh - thâm trầm, chiêm nghiệm và Lê Quang Định - khoan thai, đôn hậu. Ở phương diện nội dung, để khẳng định những đóng góp của thơ Gia Định tam gia đối với nền văn học Hán Nôm Nam Bộ, trước hết phải nói đến tình cảm yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, nối tiếp tinh thần của những nhà thơ tiền bối; hai là, lòng yêu quê hương và con người Nam Bộ. Nếu không có những dòng thơ này, cảnh sinh hoạt trên quê hương Nam Bộ sẽ thiếu đi rất nhiều. Ở phương diện nghệ thuật, thơ Gia Định tam gia có những đóng góp tích cực về đề tài và thể loại, đặc biệt là thể vịnh họa liên hoàn. Nó không những tạo ảnh hưởng đến các nhà thơ ở Bắc Hà cùng thời mà còn cả ở Nam Bộ giai đoạn sau. Điều đó chứng tỏ sự nối nguồn và khơi mạch của các ông đối với văn học Hán Nôm Nam Bộ. Với ba giọng điệu và

phong cách riêng, các ông là cột mốc trong nền văn học Hán Nôm Nam Bộ được các thế hệ sau kế thừa và phát huy. - **Cán trai thi tập**” là quyển thơ tập hợp những bài do Trịnh Hoài Đức sáng tác trong khoảng (1782 – 1818). Tập này đã được Trịnh Hoài Đức mượn thợ khắc ván in ở Việt Đông khắc in lưu lại cho con cháu đời sau.

Về hoàn cảnh và thời gian ra đời Cán trai thi tập theo tựa đề tựa Cán trai thi tập (tựa Trịnh Hoài Đức viết lời tựa do Tiến sĩ Đỗ Thị Thảo dịch): “Mùa Đông năm Bính Tý, phụng mệnh tôi cùng quan khâm sai Chương Tiên quân Bình Tây tướng quân, tước Đức Quận công là Nguyễn Huỳnh Đức làm Tổng trấn thành Gia Định. Khi đó đã làm từ cũ thì hai tập *Thoái thực* và *Quan Quang* phần lớn đã bị sâu mọt gặm nát. Không nỡ để những tâm tích thưở bình sinh của mình bị mai một; nếu không sớm lo làm lại, thì sau này toàn bộ các tập ấy không biết tìm ở đâu. Bèn vội biên tập lại, tập đầu đặt tên là *Thoái thực truy biên*, tập tiếp lấy tên là *Quan Quang* và thu thập những bài từ năm Giáp Tý trở về sau, gồm các bài như: ứng chế, đưa tiễn, thăm viếng, tặng đáp... cùng những khi rèn học trò, con cháu và bạn bè ngâm vịnh đề xướng, cho đến cuối năm Bính Tý, đặt tên là *Khả dĩ tập*; rồi đóng lại làm một tập, lấy hiệu của mình đặt tên là *Cán Trai thi tập*. Mượn được thợ khắc ván in ở Việt Đông, khắc in lưu lại cho con cháu, để biết lý lịch của ông thưở bình sinh. Gần đây Sở Nghiên Cứu Tân Á, (thuộc Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á) dưới sự điều khiển của Giáo Sư Trần Kinh Hòa, đã cho in lại. Theo đó, Cán Trai thi tập gồm 5 phần:

- *Tựa và bạt* của tác giả và 3 người đồng triều: Nguyễn Địch Cát, Ngô Thời Vị, Cao Huy Dục.
- *Thoái thực truy biên tập* 退食追編集: gồm 127 bài thơ sáng tác từ 1782 đến 1801 được chia ra như sau: Ngũ ngôn tuyệt cú: 03 bài, Ngũ ngôn luật: 15 bài, Thất ngôn tuyệt cú: 10 bài, Thất ngôn luật: 99 bài.

- *Quan Quang tập* 觀光集: gồm 152 bài thơ sáng tác từ 1802 đến 1803 khi tác giả đi sứ³.
- *Khả dĩ tập* 可以集: gồm 48 bài thơ và văn xuôi, sáng tác từ 1804 đến 1818.
- *Tự truyện*: ghi về gia đình, hoạn lộ, cuộc đi sứ, và lý do ẩn hành tập thơ này, đề năm thứ 18 đời Gia Long (1819).

Trịnh Hoài Đức rất gắn bó với vùng đất Nam Bộ nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung, miền quê hương đã nuôi dưỡng Ông. Tình cảm bộc lộ qua cách nhìn, cảm nghĩ, điều nhớ về nếp sống người dân miền thôn dã được quan sát, ghi nhận tinh tế. Có thể nói Trịnh Hoài Đức đã hòa tâm hồn mình với sinh hoạt miền quê lòng yêu mến, nỗi thân thuộc, gần gũi, là một bức tranh cuộc đời, cuộc sống, công việc của đồng quê, của thiên nhiên để tự tồn của những người dân đi khai phá vùng đất mới. Hình ảnh man mác trong thơ của Trịnh Hoài Đức thật bình dị: cái chợ nhỏ, cây cầu trong xóm, một con sông, vọng gác, một ánh lửa trên ghe chài, đêm thanh vắng của đồng quê. Ông yêu mến những thứ đó và cho rằng cuộc sống hiền hòa, bình dị. Một số bài thơ tiêu biểu nói về cảnh quê của Nam Bộ trong Cấn Trai thi tập như: *Mỹ Tho dạ vũ, Tân Triều đãi độ, Lại Úc Quan lan*.

³ Ở Việt Nam các nhà viết văn học tách rời ra và cho rằng Trịnh Hoài Đức có "Cấn trai thi tập" và "Bắc sứ thi tập"; thật ra "Bắc sứ thi tập" là "Quan Quang tập" và nằm trong "Cấn trai thi tập".

<p>Phiên âm:</p> <p style="text-align: center;">Mỹ Tho dạ vũ</p> <p>Trạc anh xướng bãi nguyệt trâm tê, Tiêu tích Tho giang vũ chính thê. Hòe thị trào đôi du giáp quán, Tông kiều vân ủng thạch ngư nê. Quang hàn liễu phó ngư thuyền hỏa, Thanh tháp mai thành thú trại bê. Vạn khoảnh minh triều trình hợp đỉnh, Tang lâm vô sự đảo kiền tê.</p>	<p>Chuyển nghĩa:</p> <p style="text-align: center;">Mưa đêm ở Mỹ Tho</p> <p>Hát khúc “trạc anh”⁴, trăng gác tê. Mưa đêm sông Mỹ, kéo lê thê. Nước giăng Hòe thị, du thành đóng. Mây phủ Tông kiều, trâu⁵ bị che Bến liễu, lửa chài soi bóng lạnh, Thành mai, tiếng trống vọng tư bê. Sáng mai, lúa trở tràn đồng ruộng, Đâu phải Tang lâm⁶ đợi mưa về!</p>
---	--

Cảnh làng Tân Triều của xứ Đồng Nai (nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu) được vẽ dưới ngòi bút của Trịnh Hoài Đức trong bài *Tân Triều đãi độ* (Đợi chờ bên Tân Triều). Thiên nhiên đẹp như một bức tranh thủy mặc nhưng

⁴ Trạc anh: giặt giải mũ; Khuất Nguyên, bài ngư phủ từ có câu: “Thương Lang chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc ngô anh” = nước sông Thương Lang trong ta có thể giặt giải mũ. Ở đây có lẽ dân chúng hát một bài ca tụng cảnh đẹp của sông ở Mỹ Tho.

⁵ Trâu: con trâu đá, xưa bên Trung Quốc cầu đá, chân thường được đẽo hình con trâu. Đây có nghĩa chân cầu.

⁶ Tang Lâm: Vua Thành Thang nhà Thương cầu đảo ở rừng Tang lâm khi nước nhà bị hạn hán.

không buồn bã đìu hiu mà ấm áp. Bên cái hùg trắng: chân ngựa dẫm xuống nước mang trắng khí đi ngàn dặm là cái thơ mộng với hình ảnh: rèm trúc như mây cuộn ánh trắng sáng lọt vào song cửa.

<p>Phiên âm:</p> <p>Tân Triều dãi độ</p> <p><i>Tân Triều dãi ngộ cô chu hoành, Nhật lạc vi mang hà thủy bình. Mã túc mạng yêm thiên lý trắng, Khách tâm lao chú nhất giang thanh. Hàm hoa mỹ lý trường lưu khí Ba quả từ ô thâm thụ minh.</i></p>	<p>Chuyển nghĩa:</p> <p>Đội dò bến Tân Triều</p> <p><i>Nằm ngang thuyền lẻ bến Tân Triều Vừa lặn mặt trời sông phẳng phiu. Chân ngựa dẫm mang luồng trắng khí, Lòng người gửi với nước trong veo. Ngậm hoa cá chép xuôi dòng lướt, Mớm quả quạ hiền nép bụi kêu. Tời quán trong thôn vừa gõ cửa, Rèm tre mây cuộn, nguyệt vào theo.)</i></p>
---	--

Cảnh Gành Rái được miêu tả trong bài *Lại Úc Quan lan* (xem sóng ở Gành Rái), trời biển hòa vào nhau như một bầu ngọc đục, cảnh đẹp nhưng không gợi lên niềm thoát tục để tiêu dao nơi cõi tiên mà vẫn lưu luyến cõi phàm trần, có

đồn lũy canh giữa cho cuộc sống của nhân dân yên ổn. Chí khí cao rộng của tác giả quyện chặt với tấm lòng thương yêu lo lắng cho dân, tâm hồn thi sĩ không mâu thuẫn với trách nhiệm xã hội.

Phiên âm:

Lại Úc Quan lan

*Cần Giờ hải khiếu khúc sàm nham,
Cực mục cần khôn ngọc nhất hàm.
Hà Hán tự đông tri hải lượng,
Phong ba chi ngoại biệt trần phàm.
Thần long ngọc nhật công do khởi,
Trù ốc đình nghiêm tỏa thượng nghiêm.
Thiếp hiểm thử trung hoàn hữu đạo,
Vãng lai hung ổn khách thương phàm.*

Chuyển nghĩa:

Xem sóng ở Gành Rái

*Chón chở núi non biển Cần Giờ,
Nhìn ra trời đất ngọc như phôi.
Tự đông Hà Hán, đo lường biển,
Một cõi trần ngoài sóng gió xô.
Lầu thần giữa trưa dăng lấp lánh,
Trại doanh năm nọ đứng trơ trơ.
Vượt nguy hiểm mới hay còn đạo,
Buồn khách thương qua vũng bưng nhờ.*

Trong bài Lộc động tiêu ca (tiếng hát ông tiêu ở Hồ Nai) – nay thuộc địa phận Thành phố Biên Hòa đều có nhiều thay đổi về cảnh quan, tả một ông tiêu hát dân ca. Niềm vui lao động ở đây được gửi vào tiếng hát hòa nhịp với tiếng rìu chặt cây, hòa nhịp với tiếng suối chảy, quyện vào đám mây bay. Tiếng hát mộc mạc cũng như cuộc sống giản dị của ông tiêu, hòa đồng với thiên nhiên, hồn nhiên và phác thực không bợn mùi phù hoa, danh lợi:

Phiên âm:

Lộc Động tiêu ca

*Phong phi tiêu phát bạch bà bà
Lộc động sơn trung suất tiếng ca.
Dã điệu thanh tong khảm thụ chấn,
Thôn xoang vận dữ lưu tuyên hòa.
Vân phi hữu ý lưu liên cửu
Hạc trị tri âm quyển luyến đa.*

Chuyển nghĩa:

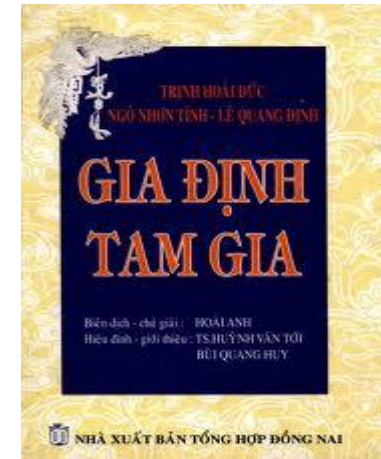
Tiếng hát ông tiêu ở Hồ Nai

*Gió lùa mái tóc trắng phau phau,
Tiêu hát hồn nhiên trong núi sâu.
Điệu mộc tiếng theo cây dẫn gục,
Lời quê vẫn họa suối tuôn mau.
Mây không có ý lưu liên mãi,
Hạc ấy tri âm âm quyển luyến nhiều.*

Triều Nguyễn đã đánh giá cao về Trịnh Hoài Đức: “Ông là người cẩn thận, phong độ, trầm tĩnh, nghiêm chỉnh, học vấn rộng, nghị luận thường giữ đại thể, đức nghiệp văn chương, đời phần tôn trọng”. Qua một số thi phẩm Trịnh Hoài Đức, con người của ông với tấm lòng tràn đầy tình yêu con người, quê hương: Yêu mến thiên nhiên, thân thuộc với sinh hoạt của vùng quê Nam Bộ và cao cả là tình thương với nhân dân, với bạn hữu và với những người xung quanh.

Nội dung nổi bật trong thơ Trịnh Hoài Đức là lòng yêu quê hương, đất nước, gắn bó mật thiết và thủy chung với cuộc sống, cảnh vật và con người đất Đồng Nai – Gia Định. Bằng tình cảm chân thực, với cái nhìn đầy thiện cảm, thân

yêu và triu mến nhà thơ đã tái hiện lại những bức tranh sinh động về cảnh nông thôn và sinh hoạt ở miền Nam, cảnh người nông dân Gia Định - Đồng Nai đánh cá, làm rẫy, cày cấy, gieo trồng được hiện lên dưới những vần thơ giàu hình ảnh và nồng nàn tình cảm của tác giả.



* **Chú thích ảnh:** Tác phẩm Gia Định thành thông chí (xuất bản trước 1975), Gia Định thành thông chí (xuất bản năm 2001/Nxb Tổng hợp Đồng Nai) và Gia Định Tam gia (Nxb Tổng hợp Đồng Nai)

Phần bốn:**DI TÍCH LỊCH SỬ DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC**

Lăng mộ Trịnh Hoài Đức hay còn gọi là Lăng Đức Ông, tọa lạc tại số 28, đường Trịnh Hoài Đức, khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Trước đây thuộc thôn Bình Trúc, dinh Trấn Biên, thời Pháp thuộc sửa thành làng Bình Trước, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa).

- Quyết định và thời gian xếp hạng

- + Liệt hạng di tích Nam Kỳ của Trường Viễn Đông Bác cổ theo Nghị định số 1189, ngày 24, tháng 2 năm 1938.
- + Xếp hạng di tích lịch sử, danh nhân theo QĐ số 1539/QĐ của Bộ Văn hoá- Thông tin –Thể thao và Du lịch, ngày 27 tháng 12 năm 1990.

- Cảnh quan

Trước đây, phần lăng mộ nằm trên sườn đồi thoải thoải của xã Bình Trước, nơi có nhiều ngôi mộ bằng ô dước, được cho là của dòng tộc họ Trịnh Hoài Đức ở Biên Hòa. Hiện nay, di tích tọa lạc trên một khu vực có diện tích vừa phải, có hàng rào bảo vệ trong khu dân cư của phường Trung Dũng. Nền lăng mộ được tôn cao và có cây xanh trong khuôn viên.

- Lịch sử xây dựng

Nội dung bia ở lăng mộ cho thấy các con của Trịnh Hoài Đức lập vào tháng 11 năm Ất Dậu. Năm 1938, Trường Viễn Đông Bác cổ xếp khu lăng mộ của Trịnh Hoài Đức là di tích của Nam Kỳ. Trải qua nhiều giai đoạn, chưa biết được lăng mộ có được dòng họ Trịnh sửa chữa, trùng tu hay không. Năm 1998, nhân dịp kỷ niệm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm (1698 - 1998), tỉnh Đồng Nai đã trùng tu khu lăng mộ này. Phạm vi lăng mộ di tích được xây tường bảo vệ, trồng cây xanh. Những dấu tích về chất liệu đá ong được bồi thêm chất xi măng, hồ vữa. Các trụ cột cũng không còn nét xưa.

- Kiến trúc

Nguyên thủy, mộ xây bằng đá ong tô hợp chất, hình voi phục, xung quanh có vòng thành kiên cố. Phía sau mộ có bức tường nhô cao, nổi vòng thành dạng hình bầu dục lượn sóng. Trên bức tường có khắc các dòng chữ Hán tựa như bài thơ, ca ngợi tài năng, đức độ của Trịnh Hoài Đức nhưng lâu ngày bị mờ, không còn đọc được, hai bên trang trí hình hai đầu rồng cách điệu. Hiện nay, trên bức tường rộng này được trang trí hình rồng vờn mây. Trên những cột vuông nổi các góc bờ vòng thành trước mộ có khắc những câu đối chữ Hán, nội dung chủ yếu nói về sự học, một cách chú ý đề cập đến sự uyên bác trên bình diện nghiên cứu của Trịnh Hoài Đức. Trong vòng thành là thành tố chính của kiến trúc, gồm hai phần mộ: một của Trịnh Hoài Đức và một của chánh thất phu nhân, người họ Lê.

Cấu kết mộ giống nhau, hình voi phục, xung quanh có gờ hình móng ngựa. Phía trước mỗi phần mộ đều có bia đá, khắc chữ Hán; chung quanh trang trí bởi các đường hồi văn, biểu tượng âm dương, phía dưới đắp nổi dạng chân quỳ. Nội dung các bia ở hai phần mộ Trịnh Hoài Đức nêu vắn tắt các danh, chức, phẩm hàm mà Trịnh Hoài Đức được

ban tặng, cùng người vợ của Ông; đồng thời có ghi cụ thể thời gian là tháng 11 năm Ất Dậu, con cái là Trịnh Thiên Lễ Nhiên, Trịnh Thiên Nhiên Bảo, Trịnh Thiên Bảo cùng lập bia.

Tổ hợp công trình kiến trúc lăng mộ được xây dựng chủ yếu bằng đá ong tô “hợp chất⁷”, có kiến trúc khép kín tạo hình gần chữ nhật, nếu tính cả phần tường bao, nấm mộ có dạng hình voi phục quay mặt về hướng Nam, lệch Tây 37⁰.

Khu mộ được bao bọc bởi hệ thống tường thành hình móng ngựa trang trí hình rồng cách điệu. Hình tượng rồng được trang trí với ý nghĩa rồng là vật đứng đầu trong Tứ linh, linh thiêng, đầy quyền uy, thường được gắn với trời, vua. Việc trang trí hình rồng cách điệu tại ngôi mộ chứng tỏ sự tôn trọng của vua Minh Mạng đối với Trịnh Hoài Đức bởi theo quy định của các triều đại phong kiến chỉ có Vua mới được sử dụng hình tượng rồng. Mộ còn được trang trí hồi văn và biểu tượng âm dương.

Phía trước cửa vào mộ có tấm bình phong lớn, ghi khắc tiểu sử và sự nghiệp của Trịnh Hoài Đức được xây dựng trong đợt trùng tu năm 1998 nhân dịp tỉnh Đồng Nai tổ chức sự kiện chào mừng kỷ niệm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai: 300 năm hình thành và phát triển (1698 - 1998).

⁷ Theo PGS. TS. Phạm Đức Mạnh (Trưởng nhóm nghiên cứu Lịch sử - Văn hóa Nam Bộ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) cho biết: “Hợp chất” dùng để xây dựng các ngôi mộ là một dạng hỗn hợp được dùng làm vật liệu để đúc huyết, xây quách. Chất này gồm vôi sống, vỏ sò ốc hoặc san hô nghiền vụn, cát, chất kết dính như mật, mật đường hoặc mật ong quyện với nhựa dây tơ hồng và nước ô dước, thêm giấy dó, than hoạt tính và vài thứ nào đó nữa... Để có hợp chất trên, ngoài việc tốn kém tiền nong còn cần đến các thao tác kỹ thuật cũng như thời gian thực hiện, vì thế ngày trước chỉ có tầng lớp vương giả, đại thần, đại phú gia mới có điều kiện thực hiện.

Có thể nói, lăng mộ Trịnh Hoài Đức là một trong những lăng mộ nằm trong hệ thống mộ hợp chất đầu tiên của triều Nguyễn. Đến nay, khu mộ còn giữ được gần như nguyên vẹn hình hài nguyên thủy, thuộc loại hiếm có trong loại hình di tích mộ táng từng được các nhà Khảo cổ học khai quật và khám phá trên đất Biên Hòa - Gia Định và ở cả Nam Bộ xưa chứa đựng nhiều giá trị to lớn về kiến trúc nghệ thuật độc đáo, lưu giữ nhiều tư liệu có giá trị nghiên cứu về lịch sử văn hóa, kiến trúc tín ngưỡng trong giai đoạn khẩn hoang và khai phá vùng đất Biên Hòa – Gia Định và cả vùng đất Nam Bộ xưa.



* **Chú thích ảnh:** Toàn cảnh khu lăng mộ và hai mộ chính của di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức tại Biên Hòa.

**KIẾN NGHỊ VỀ BẢO TỒN,
PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN
DANH NHÂN VĂN HÓA TRỊNH HOÀI ĐỨC**

1. Người Biên Hòa - Đồng Nai với di sản danh nhân Trịnh Hoài Đức

Trịnh Hoài Đức - một nhân vật lịch sử mang trong người hai dòng máu Hoa và Việt, sinh ra và lớn lên trên đất Đồng Nai - Gia Định. Dưới thời Nguyễn, ông là bậc đại công thần vẹn toàn tài đức, được vua tin yêu, quần thần ngưỡng mộ. Ông không những là một nhà chính trị, một nhà văn thơ mà còn là một nhà sử gia nổi tiếng của Việt Nam. Sự nghiệp văn chương của ông đã đóng góp nhiều tài liệu quý giá trong kho tàng văn hoá và sử học nước nhà.

Ngày nay, các nhà nghiên cứu khoa học một lần nữa đã khẳng định công lao của Trịnh Hoài Đức qua các tác phẩm, công trình để lại, là nguồn sử liệu quý báu cho nghiên cứu sử học và địa lý, xã hội... vùng đất Nam Bộ. Bên cạnh những người con ưu tú đã đóng góp công sức, cuộc đời cho vùng đất này, Trịnh Hoài Đức là niềm tự hào của người Biên Hòa – Đồng Nai. Cuộc đời của Ông là nhân cách đáng kính trọng và di sản của Ông để lại là tài sản vô giá.

Từ sau năm 1975, chính quyền Đồng Nai đã tiến hành lập Hồ sơ khoa học để trình nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia. Đây là một việc làm có ý nghĩa thiết thực trong công tác bảo tồn di sản văn hóa gắn với danh nhân Trịnh Hoài Đức – một sở pháp lý quan trọng đồng thời cũng thể hiện đạo lý tốt đẹp của truyền thống dân tộc: "Uống nước nhớ nguồn".

Năm 1998, trong hoạt động kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 - 1998), chính quyền Đồng Nai đã trùng tu, tôn tạo di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức một cách khoa học, đáp ứng nguyện vọng của người dân và góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa – lịch sử của vùng đất Nam Bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng.

Từ đó cho đến nay, công tác bảo quản di tích lịch sử danh nhân Trịnh Hoài Đức được thực hiện tốt với sự phân cấp trong quản lý, bố trí người bảo vệ. Gắn liền với di tích là những hoạt động về nguồn thiết thực đáp ứng trong việc giới thiệu di sản, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống dân tộc đối với thế hệ trẻ của địa phương. Cùng với hệ thống di tích khác, di tích lịch sử Trịnh Hoài Đức đã góp phần trong hoạt động du lịch, thu hút khách tham quan. Trong chương trình giáo dục học đường (môi trường thân thiện, hành trình đến với di sản...), nhiều trường học của Đồng Nai tổ chức hoạt động định kỳ cho học sinh tham quan di tích, góp phần chăm sóc di sản, bảo quản, trong đó có di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức đã đem lại những tích cực về giáo dục di sản văn hóa.

Tại Văn miếu Trấn Biên – một công trình Văn hóa mang tầm vóc, ý nghĩa và quy mô được tỉnh Đồng Nai phục dựng, tôn tạo từ năm 1998 và khánh thành năm 2001, đi vào hoạt động, trở thành biểu tượng văn hóa mới, đầy sức sống của Biên Hòa – Đồng Nai. Trong Nhà Đại bái, danh nhân Trịnh Hoài Đức được tôn quý trong hệ thống thờ tự cùng với các danh nhân có công với đất nước, với vùng đất Nam Bộ: Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969), *Chu Văn An (1292 - 1370)*, *Nguyễn Trãi (1380 - 1442)*, *Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)*, *Lê Quý Đôn (1724 - 1784)*, *Nguyễn Du (1765 - 1820)*, *Võ Trường Toản, (? - 1792)*, *Đặng Đức Thuật*, *Gia đình tam gia có: Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825)*, *Lê Quang Định (1759 - 1813)*, *Ngô Nhơn Tịnh (? - 1813)*, *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888)*, *Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872)*. Đây là những nhân vật lịch sử đã đóng góp nhiều công sức cho sự phát triển của nước nhà mà tiêu biểu cho nền giáo dục Việt Nam. Hoạt động nói chuyện chuyên đề về danh nhân văn hóa được thờ tự ở Trấn Biên, có danh nhân Trịnh Hoài Đức của Trung tâm Văn miếu có ý nghĩa trong việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu vùng đất – con người – văn hóa của Đồng Nai đến với mọi người; đặc biệt thế hệ trẻ của địa phương.

Tỉnh Đồng Nai đã thực hiện nhiều công trình biên soạn khá công phu về lịch sử - văn hóa vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Đây là điều kiện thuận lợi và hiệu quả trong việc phát huy giá trị di sản văn hóa. Những công trình *Địa chí Đồng Nai, Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai, Người Đồng Nai, Di tích lịch sử văn hóa Đồng Nai...290 năm Văn miếu Trấn Biên...*, xuất bản và hiệu đính công trình *Gia Định thành thông chí, Gia Định tam gia...* Trong nội dung các công trình này, danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức được đề cập, tạo điều kiện cho nhiều người tìm hiểu, nghiên cứu vùng đất Nam Bộ. Tỉnh Đồng Nai tổ chức giải thưởng về Văn hóa nghệ thuật mang tên danh nhân: Giải thưởng Trịnh Hoài Đức 5 năm xét thưởng cho các công trình nghiên cứu, sáng tác về Đồng Nai trên các lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Nghiên cứu, Sân khấu – Điện ảnh.

Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, con đường mang tên danh nhân nối liền đường Phan Đình Phùng và đường 30 tháng Tư – chạy theo trục công viên Hồ Biên Hùng, bên cạnh Khu Lăng mộ, được quy hoạch chợ đêm Biên Hùng. Ngôi trường Tiểu học mang tên danh nhân Trịnh Hoài Đức là niềm tự hào của đội ngũ giáo viên, học sinh trong nhiều năm qua....Những việc làm đáng trân trọng, mang ý nghĩa thiết thực của người Đồng Nai với danh nhân Trịnh Hoài Đức..

2. Để di sản của danh nhân Trịnh Hoài Đức sống mãi với thời gian

2.1. Bảo tồn di tích lịch sử Lăng mộ Trịnh Hoài Đức

Khi đến Lăng mộ Trịnh Hoài Đức, tôi rất tự hào vì giữa lòng thành phố lại còn lưu giữ được một di tích lịch sử văn hóa có giá trị. Nhưng hòa chung cảm giác tự hào ấy trong lòng tôi xen lẫn nỗi lo bởi phạm vi di tích dù đã được tôn

tạo nhưng không gian bị bó hẹp bởi giữa khu dân cư với nhà dân san sát liền kề. Trong quy hoạch bảo tồn, cần có kế hoạch mở rộng không gian, phạm vi di tích; đồng thời phục hồi, nâng cấp phần bên ngoài bề mặt mộ và những kết cấu xung quanh vì đã bị hư hại, xuống cấp. Vì vậy, khi mở rộng phạm vi di tích, có thể di dời và tập hợp các Mộ trong dòng họ còn rải rác trong khu dân cư tại chỗ. Như thế, sẽ giải quyết vấn đề cảnh quan, môi trường trong khu dân cư của đô thị, vừa tập trung những kiến trúc Mộ hợp chất trong dòng họ Trịnh và đồng thời có địa điểm xây dựng một cơ sở tưởng niệm danh nhân gắn với Lăng Mộ. Khi hoàn thành quy tập, tôn tạo khu vực của quần thể lăng mộ, xây dựng cơ sở tưởng niệm, di tích vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh và gắn kết với không gian mở trong sinh hoạt văn hóa của di tích với Công viên Biên Hùng – điểm nhấn công trình công cộng với môi trường xanh của trung tâm thành phố Biên Hòa. Gắn với thiết chế di tích, ngành văn hóa cần tìm giải pháp hiệu quả trong việc bổ sung những hoạt động, sinh hoạt văn hóa gắn với tâm linh, để di tích trở thành điểm đến hấp dẫn trong quảng bá văn hóa của địa phương với mọi người.

2.2. Bổ sung, phát huy giá trị di sản danh nhân Trịnh Hoài Đức

- Tiếp tục sưu tầm, nghiên cứu nguồn tư liệu về danh nhân

Đồng thời, ngoài những tư liệu đã nghiên cứu, sưu tầm trước đây liên quan đến danh nhân, di tích, các ngành chức năng: Bảo tàng Đồng Nai, Ban Quản lý Di tích – danh thắng tỉnh, Trung tâm Văn miếu cần phối hợp thực hiện tiếp tục sưu tầm bổ sung từ nguồn những tư liệu vật của cuộc đời, thân thế, sự nghiệp của danh nhân Trịnh Hoài Đức. Thực hiện tốt điều này sẽ tạo nên nguồn tư liệu quý cho công tác tuyên truyền thông qua các thức triển lãm, xuất bản sách danh nhân Trịnh Hoài Đức sau này. Đặc biệt, tại Văn miếu Trấn Biên, cần quan tâm nguồn tài liệu của các danh nhân

được thờ tại đây; trong đó có Trịnh Hoài Đức. Thư khố hiện nay tại Văn miếu Trấn vẫn còn thiếu nhiều nguồn tài liệu liên quan đến danh nhân Trịnh Hoài Đức.

- Thực hiện tốt công tác quảng bá những giá trị di sản (vật thể, phi vật thể)

Di sản liên quan đến danh nhân Trịnh Hoài Đức cần được cần được tuyên truyền, quảng bá rộng rãi. Nội dung tuyên truyền, quảng bá di sản danh nhân cần sử dụng nhiều hình thức dễ tiếp cận (tờ gấp, hay tập sách nhỏ, trang thông tin điện tử...) cần được biên soạn một cách phổ quát và đa dạng hóa bằng các loại hình thích ứng với phương tiện truyền thông trong xã hội công nghệ số hiện nay: băng đĩa, chọn lọc thông tin giới thiệu di tích, tư liệu trên các trang thông tin điện tử của địa phương, ngành văn hóa và các trường học.

- Gắn kết di tích danh nhân Trịnh Hoài Đức trong hoạt động du lịch

Gắn kết di tích Trịnh Hoài Đức khi được quy hoạch, tôn tạo (mở rộng phạm vi, quy tập quần thể mộ hợp chất, xây dựng cơ sở tưởng niệm, tôn tạo cây xanh...) cùng với các di tích lịch sử khác thành lập tuyến du lịch phù hợp; trong đó cần chú ý:

+ Di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức là điểm nhấn của tuyến du lịch tín ngưỡng tâm linh, danh nhân lịch sử văn hóa cùng với di tích chùa Đại Giác, Long Thiên, chùa Ông, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Mỹ Khánh, đình Tân Lân trên tuyến đường bộ.

+ Di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức trong điểm nhấn tuyến tham quan về nguồn, lịch sử phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai gắn với thiết chế Bảo tàng Đồng Nai, Văn miếu Trấn Biên, Thành cổ Biên Hòa.

+ Xây dựng di tích thành một điểm nhấn trong tuyến du lịch tìm hiểu văn hóa cộng đồng dân tộc Hoa: Chùa Ông, đình Tân Lâm, chùa Bà Thiên Hậu...

- Tiếp tục phát huy di sản của danh nhân với môi trường giáo dục học đường

Phát huy di tích gắn với các chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa đối với thế hệ trẻ (học sinh, sinh viên, đoàn viên, thanh niên...). Cơ quan quản lý di tích cần phối hợp tổ chức các sinh hoạt, du khảo về nguồn, thi tìm hiểu giá trị văn hóa gắn với chương trình hoạt động của ngành giáo dục “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Chăm sóc bảo vệ di tích lịch sử...”, những buổi thuyết trình về di tích, gắn buổi học thực tế di tích. Thông qua các hoạt động này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ hiểu biết, yêu mến, trân trọng những thành quả của tiền nhân và vốn quý di sản văn hóa của dân tộc. Trung tâm Văn miếu Trấn Biên tổ chức hoạt động chuyên đề định kỳ khá tốt khi cuốn hút được học sinh tham gia, vừa tham quan Văn miếu, vừa được sinh hoạt tìm hiểu văn hóa vùng đất, danh nhân.

- Tổ chức những Hội thi với các nội dung về văn hóa di sản



Duy trì Hội thi Tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai hằng năm để mọi người có cơ hội tìm hiểu, nghiên cứu về vùng đất – con người Đồng Nai. Các ngành chức năng, đơn vị, trường học, tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên... cần đa dạng hóa hoạt động để thu hút giới trẻ, đặc biệt bằng hình thức các cuộc thi đua tìm hiểu về văn hóa – lịch sử của vùng đất đang sống; trong đó có tìm hiểu về danh nhân văn hóa nước nhà, địa phương. Một loại hình hội thi sinh động, cuốn hút giới trẻ ở Đồng Nai cần được nhân rộng trong hoạt động này này là Chương trình “City tour- khám phá Biên Hòa” do Trung tâm dịch vụ đối ngoại (Sở Ngoại vụ) đã phối hợp cùng Trung tâm Xúc tiến du lịch (Sở Văn hóa, thể thao và du lịch) và Bến xe Biên Hòa tổ chức. Các đội thực hiện cuộc thi và đã tìm đến di tích danh nhân văn hóa dâng hương tưởng niệm, tri ân và tìm hiểu với nhau về thân thế, cuộc đời và đóng góp của Trịnh Hoài Đức với vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.



- Bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, bảo vệ, thuyết minh, giới thiệu di sản của danh nhân

Nguồn nhân lực trong hoạt động văn hóa, đặc biệt là đội ngũ liên quan trực tiếp đến di tích, di sản của danh nhân Trịnh Hoài Đức cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ để đem lại hiệu quả cao trong phát huy, quảng bá. Công tác này thường được quan tâm chung trong bộ máy của ngành, đơn vị liên quan thế nhưng, có một những điểm cần lưu ý: Đội ngũ thuyết minh cần chuyên sâu, nghiên cứu khoa học, bài bản để giới thiệu di tích phù hợp với các đối tượng du khách khác nhau. Lực lượng bảo vệ trực tiếp tại di tích không chỉ đơn thuần làm công tác trông coi đơn thuần mà cần được bồi dưỡng và tự giác tìm hiểu khi làm nhận công tác này. Ngoài những đoàn khách đến với lịch trình đăng ký, nhiều du khách đến tự do, nếu nhân lực bảo vệ chỉ hướng dẫn đơn thuần sẽ làm giảm hiệu quả phát huy di tích. Vì vậy, ngành chức năng phải quan tâm để nâng cao sự hiểu biết về luật định liên quan (Luật Di sản văn hóa, Luật Môi trường...) và đồng thời tăng cường kiến thức liên quan đến danh nhân văn hóa.

- Tiếp tục phát huy, nâng cao tinh thần bảo vệ di tích

Hiện trạng di tích được bảo vệ với những tường rào chung quanh, góp phần giữ cảnh quan phần Lãng mộ trước sự lấn chiếm hay các hoạt động khác ảnh hưởng đến di tích. Tại di tích Trịnh Hoài Đức có “bố trí” người trực thường xuyên. Thế nhưng, vẫn xảy ra tình trạng nhiều du khách đến tham quan hay người dân đến với nhu cầu tâm linh thì di tích trong cảnh “cổng đóng, then cài”. Ngành chức năng và bảo vệ trực tiếp di tích cần giữ môi trường, cảnh quan di tích thường xuyên tránh để xảy ra những tình trạng mất vệ sinh (tường bẩn, sân nhiều lá rụng, một số vật trong mộ bị xô lệch...). Điều này đòi hỏi trách nhiệm quản lý nhân lực của ngành chức năng và ý thức trách nhiệm của người bảo vệ.

Nhằm duy trì và hướng đến mục tiêu bảo tồn, phát huy hiệu quả đối với di tích Lăng mộ, những giá trị di sản liên quan đến danh nhân Trịnh Hoài Đức, chúng tôi mạnh dạn gợi mở về các giải pháp có tính chất tham khảo để các cơ quan, ngành chức năng tham khảo, nghiên cứu và từ thực tiễn để có kế hoạch hiệu quả, hợp lý làm tốt công tác bảo tồn di sản văn hóa của địa phương cũng như của đất nước. Những giải pháp cần được thực hiện đồng bộ, đảm bảo tính khoa học và tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

Chú thích ảnh theo thứ tự:

- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên tổ chức nói chuyện chuyên đề về danh nhân Trịnh Hoài Đức
- Thanh niên Biên Hòa tham gia cuộc thi Khám phá Biên Hòa năm 2013, tham quan và tưởng niệm danh nhân Trịnh Hoài Đức tại di tích.

(Nguồn: *Sưu tầm*, 2014.)

KẾT LUẬN

Di sản văn hóa nói chung, loại hình di tích lịch sử - văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là tài sản vô giá được tạo dựng trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích lịch sử phản ánh thành quả của các thế hệ cha ông trong quá trình lao động xây dựng, chiến đấu bảo vệ quê hương trên nhiều lĩnh vực và sự đa dạng trong sắc thái văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Trên bình diện cụ thể, những di tích lịch sử - văn hóa của Biên Hòa nói riêng – Đồng Nai nói chung là thành quả và là vốn di sản quý giá của nhiều thế hệ con dân xứ sở này tạo dựng, để lại cho hôm nay. Đây là những vốn quý góp phần làm đa dạng cho văn hóa của Đồng Nai, của đất nước Việt Nam thân yêu. Đây là tài sản quý giá và cũng là niềm tự hào cho mọi người hôm nay, đặc biệt thế hệ trẻ khi mà những thế hệ cha ông đã không quản công sức và cả sự hy sinh để tạo dựng lên.

Tôi tự hào vì đã được sống trên mảnh đất Biên Hòa – Đồng Nai, nơi có nhiều di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh, nhiều công trình văn hóa được xây dựng. Những giá trị văn hóa ấy đã góp phần tô đậm thêm cho di sản văn hóa, ghi dấu công lao của bao thế hệ tiền nhân được bảo tồn cho đến hôm nay.

Chúng ta có niềm tự hào về danh nhân Trịnh Hoài Đức – người mang trong mình ai dòng máu Việt – Hoa đã tận tâm cống hiến cho đất nước, quê hương Biên Hòa – Đồng Nai. Vì vậy, đối với công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa 1noi1 chúng, bảo tồn và phát huy di tích Khu lăng mộ, giá trị di sản liên quan đến danh nhân Trịnh Hoài Đức nói riêng

là một vấn đề không hề đơn giản. Thậm chí, trong tình hình hội nhập phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và xu thế đô thị hóa mạnh mẽ hiện nay, những giá trị văn hóa truyền thống, trong đó có loại hình di tích, di sản đã, đang và sẽ đứng trước những thách thức, nguy cơ tác động, ảnh hưởng đến sự tồn tại. Thế nhưng, với lòng quyết tâm, tôn trọng truyền thống đạo lý của dân tộc và sự vào cuộc với quyết tâm, nhiệt huyết, trong thời kỳ mới với những chuyển biến tích cực, đây cũng là cơ hội cho sự phát huy chúng nếu biết vận dụng một cách khoa học, đúng đắn. Để bảo tồn và phát huy di tích Lăng mộ cũng như những giá trị di sản của danh nhân Trịnh Hoài Đức một cách hiệu quả nhất, đòi hỏi ý thức, trách nhiệm và sự nỗ lực lớn của các cấp chính quyền, các cơ quan hữu trách và ý thức của mỗi người, đặc biệt với thế hệ trẻ hôm nay./.'